|  |
| --- |
| TRƯỜNG: THCS HÀM CẦN  **TỔ: XÃ HỘI** **Tên giáo viên: Nguyễn Thị Hòa** |

*(Kèm Công văn 529/PGD&ĐT ngày 29/10/2021 của Phòng GDĐT)*

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: LỊCH SỬ LỚP:9.**

(Năm học: 2023 - 2024)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiết | Bài học  (1) | Yêu cầu cần đạt **điều chỉnh theo cv 529**  (3) | Hướng dẫn **điều chỉnh theo cv 3280** |
|  | **Phần một: LỊCH SỬ THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY** | | |
|  | **Chương 1: Liên Xô và các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.** | | |
| 1 | Bài 1: Liên Xô và các nước Đông Âu từ 1945 đến giữa những năm 70 của thế kỷ XX). | - Liên Xô: Công cuộc khôi phục kinh tế sau CTTG II(1945 – 1950); Những thành tựu xây dựng CNXH về KT, KH- KT…  - Các nước Đông Âu: Thành lập nhà nước DCND  - Nêu được sự kiện thành lập Hội đồngtương trợ kinh tế (SEV) và Tổ chức Hiệp ướcVác-sa-va và ý nghĩa của nó. | Mục I. Liên Xô  -Mục II.2. Khuyến khích HS tự đọc.  -Mục III. |
| 2 | Bài 2: Liên Xô và các nước Đông Âu từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của thế kỷ XX.) | -Những khủng hoảng dẫn đến sự tan rã của Liên Xô và sự sụp đổ CNXH ở Đông Âu (Từ giữa những năm 70 đến đầu những năm 90 của TK XX)  - Biết đánh giá những thành tựu đã đạt được và một số sai lầm, hạn chế của Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu.  - Nêu được tình hình chính trị kinh tế ở Liên bang Nga từ 1991 đến 2000  - Giải thích được sự sụp đổ của chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu | - Mục I.  -Mục II. Tập trung hệ quả của cuộc khủng hoảng. |
| **CHƯƠNG II: CÁC NƯỚC Á, PHI, MỸ LA-TINH TỪ NHỮNG NĂM 1945 ĐẾN NAY ( 5 tiết )** | | | | |
| 3 | Bài 3: Quá trình phát triển của phong trào giải phóng dân tộc và sự tan rã của hệ thống thuộc địa | Nêu được những nét chính về các giai đoạn phát triển của của phong trào giải phóng dân tộc và sự tan rã của hệ thống thuộc địa |  |
| 4 | Bài 4 : Các nước châu Á | - Biết được tình hình chung các nước Á từ sau 1945 đến nay.  - Sự ra đời của nước CHND Trung Hoa và ý nghĩa lịch sử; đường lối đổi mới và thành tựu của Trung Quốc từ cuối năm 1978 đến nay .  *-* ***Giới thiệu đôi nét về Ấn Độ, Hàn Quốc, từ 1945 đến 1991*** | (**Mục II.** 2. Mười năm đầu xây dựng chế độ mới + **II.3.** Đất nước trong thời kì biến động – **Hs tự đọc**).  **Mục II**.4 Công cuộc cải cách mở cửa (từ 1978 đến nay) - *Tập trung vào đường lối đổi mới và những thành tựu tiêu biểu.* |
| 5 | Bài 5: Các nước Đông Nam Á | - Biết được tình hình chung các nước Đông Nam Á từ sau1945 đến nay: Các nước Đông Nam Á từ sau năm 1945 lần lượt giành được độc lập;, các nước thành viên  - Lập niên biểu về sự ra đời và phát triển của ASEAN  -***Trình bày được những nét chính về cộng đồng ASEAN từ 1991 đến nay*** | **Mục III.** “Từ ASEAN 6” đến “ASEAN 10” *– Hướng dẫn học sinh lập niên biểu quá trình ra đời và phát triển.* |
| 6 | Bài 6: Các nước châu Phi | - Tình hình chung các nước châu Phi từ sau năm 1945: tập trung vào quá trình đấu tranh giành độc lập sau 1945)  - Nước Cộng hòa Nam Phi và cuộc đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc. |  |
| 7 | Bài 7: Các nước Mỹ La- tinh | - Quá trình đấu tranh giành độc lập của các nước Mỹ La tinh sau 1945.  - Sự thắng lợi của CM DCND, tiến lên CNXH của Cu Ba |  |
| 8 | **Ôn tập giữa kì** |  |  |
| 9 | **Kiểm tra giữa kì** |  |  |
| **CHƯƠNG III: MỸ, NHẬT BẢN, TÂY ÂU TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY( 3 tiết )** | | | | |
| 10 | Bài 8: Nước Mỹ . | - Nét nổi bật về kinh tế qua các giai đoạn  - Chính sách đối nội, đối ngoại của Mĩ sau chiến tranh.  -***Trình bày được tình hình chính trị, kinh tế của nước Mi từ năm 1991 đến nay.*** | **Mục II.**Sự phát triển về KHKT … - *lồng ghép với nội dung bài 12)* |
| 11 | Bài 9: Nhật Bản | - Biết được tình hình và những cải cách dân chủ ở Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai.  - Trình bày được sự phát triển kinh tế của Nhậ tBản sau chiến tranh và nguyên nhân của sự phát triển đó. | **(Mục III.** Chính sách đối nội và đối ngoại của Nhật Bản sau chiến tranh *–****Không dạy*** |
| 12 | Bài 10: Các nước Tây Âu | - Biết được nét nổi bật về kinh tế và chính sách đối ngoại các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai.  - Trình bày được quá trình liên kết khu vực của các nước Tây Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai. | **Mục I.** Tình hình chung – *Tập trung vào đặc điểm cơ bản về kinh tế và đối ngoại, tinh giản các sự kiện.* |
| **Chương IV. Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay.** | | | | |  |  | |  | | **Chương IV. Quan hệ quốc tế từ năm 1945 đến nay.** |
| 13 | Bài 11: Trật tự thế giới mới sau CTTG II | - Biết được sự hình thành trật tự thế giới mới Trật tự hai cực I-an-ta sau Chiến tranh thế giới thứ hai.  - Biết được sự hình thành, mục đích và vai trò của tổ chức Liên hợp quốc.  - Trình bày được những biểu hiện của cuộc Chiến tranh lạnh và những hậu quả của nó.  - Biết được đặc điểm trong quan hệ quốc tế sau Chiến tranh lạnh. |  |
|  | **Chương V. Cuộc cách mạng KH – KT từ năm 1945 đến nay** | | | |  | | **Chương V. Cuộc cách mạng KH – KT từ năm 1945 đến nay** | |
| 14 | Bài 12: Những thành tựu chủ yếu và ý nghĩa lịch sử của CM khoa học-kỹ thuật | - Lập niên biểu những thành tựu chủ yếu của cách mạng khoa học - kĩ thuật.  - Đánh giá được ý nghĩa, tác động của cách mạng khoa học - kĩ thuật; những tiến bộ KH-KT và hạn chế của việc áp dụng KH-KT vào sản xuất. | **Mục I.** Những thành tựu chủ yếu của cuộc cách mạng KHKT – *Hướng dẫn học sinh lập niên biểu những thành tựu tiêu biểu trên các lĩnh vực*. |
| **Phần hai: LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NAY.** | | | | |
| **Chương I. Việt Nam trong những năm 1919 – 1930.** | | | | |
| 15 | Bài 14: Việt Nam sau chiến tranh thế giới thứ nhất | - Trình bày được nội dung cơ bản, mục đích cuộc khai thác lần hai của thực dân Pháp ở Việt Nam.  - Chỉ ra được sự chuyển biến về kinh tế, xã hội VN dưới tác động của cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất. | **Mục II.** Các chính sách chính trị, văn hóa, giáo dục *–* ***hs tự học*** |
| 16 | Bài 15: Phong trào CNVN sau CTTG thứ nhất (1919-1925) | - Trình bày được ảnh hưởng của cách mạng tháng Mười Nga và phong trào cách mạng thế giới đối với CMVN.  - Trình bày được những nét chính của phong trào dân tộc dân chủ những năm 1919-1925.  - Khái quát các nội dung của phong trào dân tộc dân chủ 1918-1930. |  |
| 17 | **Ôn tập cuối định kì I** |  |  |
| 18 | **Kiểm tra cuối định kì I** |  |  |
| 19 | Bài 16: Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài | - Lập niên biểu các sự kiện chính về các hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài từ năm 1919 đến 1925  - Nêu được ý nghĩa và tác dụng của những hoạt động đó đối với PTGPDT ở nước ta.  Đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với CMVN. | **Mục II.** Nguyễn Ái Quốc ở Liên Xô (1923 – 1924) + **Mục III.** Nguyễn Ái Quốc ở Trung Quốc (1924 – 1925)  *- Hướng dẫn học sinh lập bảng thống kê những sự kiện tiêu biểu, không dạy chi tiết*  *- Chú ý nêu rõ vai trò của Nguyễn Ái Quốc giai đoạn ở Liên Xô và Trung Quốc.* |
| 20 | Bài 17: Cách mạng Việt Nam trước khi Đảng Cộng Sản ra đời | - Nêu được sự ra đời và hoạt động của 2 tổ chức cách mạng: Tân Việt và Việt Nam Quốc Dân Đảng, trình bày được những diễn biến của khởi nghĩa Yên Bái. | Mục I. Bước phát triển mới của phong trào cách mạng Việt Nam (1926 – 1927) – **Không dạy**  Mục IV. Ba tổ chức cộng sản nối tiếp nhau ra đời trong 1929 *– Không dạy ở bài này, tích hợp vào mục I. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam của bài 18 (ở nội dung hoàn cảnh lịch sử trước khi Đảng ra đời)* |
| C**hương II. Việt Nam trong những năm 1930 -1939** | | | | |
| 21 | Bài 18: Đảng CS Việt Nam ra đời | - Trình bày đượcthời gian, địa điểm, nội dung và ý nghĩa của hội nghị thành lập ĐCS Việt Nam.  - Nêu được ý nghĩa của việc Đảng CS VN ra đời.  - Đánh giá được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng. |  |
| 22 | Bài 19: Phong trào cách mạng trong những năm 1930 – 1935 | - Nêu được những nét chính về những tác động của cuộc khủng hoảng đối với nền kinh tế và xã hội Việt Nam  - Lập được niên biểu: thời gian, địa điểm và ý nghĩa của phong trào cách mạng trong những năm 1930-1931với đỉnh cao là Xô viết Nghệ - Tĩnh. | **Mục II**. Phong trào cách mạng 1930 – 1931 với đỉnh cao là Xô viết Nghệ-Tĩnh – *Hướng dẫn hs lập niên biểu thời gian, địa điểm và ý nghĩa của phong trào.* |
| 23 | Bài 20: Cuộc vận động dân chủ trong những năm 1936-1939 | - Trình bày được những sự kiện chính của PTDTDC những năm 1936 – 1939. |  |
| **Chương III. Cuộc vận động tiến tới Cách mạng Tháng Tám năm 1945** | | | | |
| 24 | Bài 21: Việt Nam trong  những năm 1939-1945 | - Nêu được đặc điểm cơ bản của tình hình thế giới và trong nước trong những năm 1936 – 1939.  - Lập niên biểu các cuộc nổi dậy đầu tiên. | Mục I. Tình hình thế giới và Dông Dương – *Tập trung nêu được đặc điểm cơ bản tình hình thế giới và trong nước. Phần Hiệp ước Pháp – Nhật chỉ nêu nét chính.*  Mục II. Những cuộc nổi dậy đầu tiên – *Hướng dẫn học sinh lập niên biểu các cuộc khởi nghĩa.* |
| 25,26 | Bài 22: Cao trào cách mạng  tiến tới Tổng khởi nghĩa  tháng Tám năm 1945 | - Trình bày được sự thành lập, vai trò và ý nghĩa của Mặt trận Việt Minh.  - Nêu được chỉ thị Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta.  - Lập bảng thống kê những sự kiện chính của giai đoạn tiền KN từ tháng 4 đến tháng 6 năm 1945 và ý nghĩa. | **Mục I**. Mặt trận Việt Minh ra đời  *– Tập trung vào sự thành lập Mặt trận Việt Minh và nhấn mạnh vai trò, ý nghĩa của Mặt trận Việt Minh.*  *-Chú ý nêu được chỉ thị Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta.*  **Mục II.2** Tiến tới Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 *– Hướng dẫn học sinh lập bảng thống kê một số sự kiện quan trọng từ tháng 4 – 6/1945.* |
| 27 | Bài 23: Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 và sự thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. | - Trình bày được thời cơ và lệnh tổng khởi nghĩa  - HS lập được bảng thống kê các sự kiện khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn.  - Nêu được sự thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và ra bản Tuyên ngôn độc lập.  - Trình bày được ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thành công của Cách mạng tháng Tám 1945. | - Sắp xếp, tích hợp mục II và mục III thành mục **Diễn biến chính của cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945**. *Chỉ hướng dẫn học sinh lập bảng thống kê các sự kiện khởi nghĩa giành chính quyền ở Hà Nội, Huế, Sài Gòn.* |
| **Chương IV. Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám đến toàn quốc kháng chiến** | | | | |
| 28,29 | Bài 24. Cuộc đấu tranh bảo vệ và xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân (1945 - 1946). | - Nhận rõ tình hình nước ta sau cách mạng tháng Tám 1945: chính quyền DCND trong tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, về thù trong, giặc ngoài, những khó khăn do thiên tai, hậu quả của chế độ thuộc địa...  - Trình bày được những biện pháp giải quyết khó khăn trước mắt và phần nào chuẩn bị cho lâu dài: xây dựng nền móng của chính quyền nhân dân; diệt giặt đói, giặt dốt và giặc ngoại xâm; hoàn cảnh, ý nghĩa của việc kí hiệp định sơ bộ 6-3-1946 và Tạm ước 14-9-1946; ý nghĩa của những kết quả bước đầu đạt được. | (Mục II. Bước đầu xây dựng chế độ mới *– Sắp xếp tích hợp các mục II, mục III, mục IV, mục V, Mục VI thành mục:* **“Củng cố chính quyền cách mạng và bảo vệ độc lập dân tộc”**  *- Chú ý sự kiện bầu cử Quốc hội lần đầu tiên trong ca nước (6/1/1946)*  Mục IV. Nhân dân Nam Bộ kháng chiến chông thực dân Pháp trở lại xâm lược *– Tập trung vào sự kiện thực dân Pháp đánh chiếm Ủy ban Nhân dân Nam Bộ và Cơ quan tự vệ thành phố Sài Gòn (23/9/1945) và chính sách hòa hoãn với quân Tưởng.* |
| **ChươngV.Việt Nam từ cuối năm 1946 đến 1954** | | | | |
| 30,31 | **Bài 25.** Những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 - 1950). | Trình bày những năm đầu của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1946 -1950)  - Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Đường lối kháng chiến.  - Trình bày được cuộc đấu tranh anh dũng của quân dân Thủ đô Hà Nội và các đô thị phía bắc vĩ tuyến 16 trong những ngày đầu kháng chiến toàn quốc; đôi nét diễn biến, ý nghĩa.  - Chiến dịch Việt Bắc thu – đông năm 1947: âm mưu của thực dân Pháp khi tấn công lên căn cứ địa Việt Bắc và trình bày được cuộc chiến đấu của quân dân ta: tóm tắt diễn, kết quả, ý nghĩa. | **Mục III.** Tích cực chuẩn bị cho cuộc chiến đấu lâu dài – ***Không dạy***  Mục V. Đẩy mạnh kháng chiến toàn dân, toàn diện –***học sinh tự học.*** |
| 32 | **Bài 26.** Bước phát triển mới của cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp (1950 - 1953). | - Nêu được bước phát triển mới của cuộc kháng chiến từ năm 1948 đến 1953: Chiến dịch Biên giới thu – đông 1950.  - Trình bày đôi nét về Đại hội đại toàn quốc lần thứ II của Đảng ( 2 – 1951). | **Mục II.** Âm mưu đẩy mạnh chiến tranh xâm lược Đông Dương của thực dân Pháp-***Học sinh tự học.***  **Mục V**. Giữ vững quyền chủ động đánh địch trên chiến trường – ***HS tự học.*** |
| 33 | **Ôn tập giữa kì II** |  |  |
| 34 | **Kiểm tra giữa kì II** |  |  |
| 35,36 | **Bài 27.** Cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc (1953 - 1954). | - Cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953 – 1954 và chiến dịch Điện Biên Phủ.  + Trình bày được nội dung Kế hoạch Na-va.  + Lập được niên biểu sự kiện chính của Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 – 1954  + Trình bày được diễn biến chính của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ. Ý nghĩa thắng lợi.  - Giới thiệu ngắn gọn nội dung cơ bản, ý nghĩa của hiệp định Giơ – ne – vơ 1954 về Đông Dương.  - Trình bày ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954) | **Mục II.**1 Cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953 – 1954 – *Hướng dẫn học sinh lập niên biểu sự kiện chính.*  (**Mục III** *- Hiệp định Giơ-ne-vơ về chấm dứt chiến tranh ở Dông Dương (1954) – Tập trung vào nội dung, ý nghĩa của Hiệp định Giơ-ne-vơ*). |
| **ChươngVI.Việt Nam từ năm 1954 đến 1975.** | | | | |
| 37,38,39 | **Bài 28.** Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh chống đế quốc Mĩ và chính quyền Sài Gòn ở miền Nam (1954 - 1965). | - Nêu được những điểm chính về tình hình nước ta sau năm 1954.  - Trình bày được những nét chính trong phong trào đấu tranh của nhân dân miền Nam (1954 – 1960): chống “tố cộng’ “diệt cộng”, đòi tự do, dân chủ, dân sinh; hoàn cảnh nổ ra, diễn biến và ý nghĩa của phong trào “Đồng khởi” (1959 - 1960)  - Nêu được hoàn cảnh, nội dung chính của Đại hội đại biểu toàn quốc lần III của Đảng ( 9-1960)  - Lập được niên biểu các sự kiện tiêu biểu trong chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ.  - Khôi phục và phát triển kinh tế. | **Mục II.** Miền Bắc hoàn thành cải cách ruộng đất, khôi phục kinh tế, cải tạo quan hệ sản xuất (1954 – 1960) –***Không dạy***  **Mục V.2** Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mĩ – *Hướng dẫn học sinh lập bảng thống kê các sự kiện tiêu biểu.* |
| 40,41 | **Bài 29.** Cả nước trực tiếp chống Mĩ cứu nước (1965 - 1973). | Sơ lược âm mưu của đế quốc Mĩ, chiến thắng Vạn Tường; lập được niên biểu các sự kiện tiêu biểu của đấu của nhân dân miền Nam chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mĩ:  Trình bày những nét chính của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968), cuộc tiến công chiến lược 1972 và ý nghĩa của các chiến thắng đó.  -Nêu được những chi viện của hậu phương miền Bắc cho tiền tuyến miền Nam.  - Nêu được nội dung, ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri năm 1973. | **Mục I. 2** Chiến đấu chống chiến lược “Chiến tranh cục bộ” của Mĩ – *Hướng dẫn học sinh lập niên biểu các sự kiện tiêu biểu.*  **Mục II. 2** Miền Bắc vừa chiến đấu chống chiến tranh phá hoại, vừa sản xuất **– *Không dạy***  **Mục III. 2** Chiến đấu chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” và “Đông Dương hóa chiến tranh” của Mĩ – *Hướng dẫn học sinh lập niên biểu các sự kiện tiêu biểu.*  **Mục IV. 1** Miền Bắc khôi phục và phát triển kinh tế - văn hóa – **Không dạy**  **Mục V -** Hiệp định Pa-ri 1973 về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam - *chỉ nêu nội dung, ý nghĩa của Hiệp định Pa-ri năm 1973.* |
| 42,43,44 | **Bài 30.** Hoàn thành giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1973 - 1975). | - Trình bày được những mốc chính của cuộc tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 và chiến dịch Hồ Chí Minh: Kế hoạch và quyết tâm giải phóng miền Nam, thời gian, địa điểm, kết quả và ý nghĩa các chiến dịch Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng, chiến dịch Hồ Chí Minh hoàn toàn giải phóng miền Nam.  - Trình bày được nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước. | **Mục II.** Đấu tranh chống địch "bình định lấn chiếm" tạo thế và lực tiến tới giải phóng hoàn miền Nam **– *Hs tự học*** |
| **Chương VII. Việt Nam từ năm 1975 đến 2000.** | | | | |
| 45,46 | **Bài 31.** Việt Nam trong năm đầu sau đại thắng mùa Xuân 1975. | - Nêu được tình hình hai miền Nam Bắc sau đại thắng xuân 1975  - Nhận rõ ý nghĩa của cuộc Tổng tuyển cử ngày 25 -4- 1976  - Trình bày được nội dung cơ bản kì họp đầu tiên của Quốc hội khóa VI (cuối tháng 6 đầu tháng 7 – 1976): thành lập nước CHXHCN Việt Nam, cử chính phủ thống nhất trong cả nước, đổi tên thành phố Sài Gòn – Gia Định là Thành Phố Hồ Chí Minh. |  |
| 47 | Bài 32. Xây dựng đất nước, đấu tranh bảo vệ Tổ quốc (1976 - 1985) | - Trình bày cuộc chiến đấu bảo vệ biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc; ý nghĩa của nó. |  |
| 48 | **Bài 33.** Việt Nam trên đường đổi mới đi lên chủ nghĩa xã hội (từ năm 1986 đến năm 2000). | -Trình bày được công cuộc đổi mới đất nước, thành tựutiêu biểu, việc mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới và trong khu vực (là thành viên của tổ chức ASEAN…) | **Mục II.** Việt Nam trong 15 thực hiện đường lối đổi mới (1986 – 2000) *- Chỉ khái quát thành tựu tiêu biểu.* |
| 49 | **Ôn tập cuối học kì II** |  |  |
| 50 | **Kiểm tra cuối kì II** |  |  |
| 51,52 | **Lịch sử địa phương**  Bài 6. Ba mươi năm xây dựng và bảo vệ tổ quốc XHCN (1975 - 2005) | Trình bày được quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Xã hội chủ nghĩa của tỉnh Bình Thuận trong 30 năm (1975 - 2005). |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  **Trần Thị Tố Tâm** |  | *Hàm Cần , ngày 27 tháng 08 năm 2023*  **GIÁO VIÊN**  **Nguyễn Thị Hòa** |

**Duyệt của Hiệu Trưởng**

**Lưu Văn Lâm**